

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 6836 /UBND-KT

Về việc bố trí kinh phí để chi trả bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021- 2025, đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Định.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 15 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện Văn bản số 11838/BGTVT-DAĐT1 ngày 11/11/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác giải phóng mặt bằng, giải ngân vốn năm 2022 các dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh Bình Định báo cáo như sau:

Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, qua địa phận tỉnh Bình Định có chiều dài khoảng **118,8km**. Tổng diện tích đất bị ảnh hưởng được rà soát, kiểm kê: Khoảng **1.785,91ha**. Trong đó, đất lúa 467,0 ha (*đất lúa 02 vụ trở lên 414,06 ha*); các loại đất khác 736,81ha; đất rừng phòng hộ 50,40ha; rừng sản xuất: 531,70ha (*diện tích đất mở vật liệu lớn khoảng 754,5ha*). Tổng số ngôi nhà bị giải tỏa trắng: Khoảng **1.125 ngôi nhà**. Tổng số ngôi mộ cần di dời: Khoảng **6.313 mộ** và có **02** di tích lịch sử (*Vụ thám sát Bình An*) được xếp hạng cấp Quốc gia phải di dời. Đến nay, các địa phương đã triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đạt kết quả như sau:

- Đã thực hiện kiểm kê được **10.784/10.784 hộ** ảnh hưởng đạt **100%**.
- Đã thực hiện xác nhận nguồn gốc đất đai được **9.988/10.784 hộ** ảnh hưởng đạt 92,6% (có 03/08 địa phương đã hoàn thành 100%).
- Về di dời hệ thống hạ tầng kỹ thuật do địa phương quản lý: 08/08 địa phương đã thống nhất phương án kỹ thuật di dời với Chủ cơ quan quản lý sử dụng. Trong đó có 07/08 địa phương đã lấy ý kiến của Chủ đầu tư về hồ sơ thiết kế di dời và đang hoàn thiện theo ý kiến của Chủ đầu tư.
- Công tác xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án: Các địa phương đã hoàn thành công tác lập quy hoạch chi tiết **43** khu tái định cư, diện tích **S=103,1ha**, với khoảng **2.144** lô đất tái định cư.
- Khu cải táng mồ mả phục vụ dự án: có 04 địa phương đã phê duyệt quy hoạch với 10 khu cải táng, diện tích khoảng S=4,5ha. Các địa phương còn lại cải táng vào nghĩa trang hiện có của địa phương.
- Công tác lập, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng: Có 08/08 địa phương đã thực hiện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được **111 đợt** với **5.011** hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng, tổng số tiền đã phê duyệt là **960** tỷ đồng. Trong đó, đã thực hiện chi trả cho các hộ dân,

tổ chức bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng là **619,514 tỷ đồng**, đạt **79,5%** nguồn vốn đã được Bộ Giao thông vận tải cấp (**779,226 tỷ đồng**)

- Kinh phí đã được Bộ Giao thông vận tải cấp đến ngày 11/11/2022 là: **779,226 tỷ đồng**, đạt **15,7%** so với kinh phí được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt (**4.953,56 tỷ đồng**) và đạt **10%** so với nhu cầu kinh phí thực tế theo rà soát và báo cáo của UBND tỉnh Bình Định (**7.806,064 tỷ đồng**).

Để đảm bảo cho việc chi trả bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải quan tâm bố trí kinh phí để kịp thời chi trả nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng đáp ứng yêu cầu triển khai thi công dự án, cụ thể như sau:

- Đến thời điểm 20/11/2022: đề nghị cấp bổ sung **676,547 tỷ đồng**.
- Đến thời điểm 31/12/2022: đề nghị cấp bổ sung **1.084,715 tỷ đồng**.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải quan tâm giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở GTVT, XD, NN và PTNT, TNMT;
- UBND các huyện HA, PM, PC, TS, TP;
- UBND TX AN, HN;
- UBND TP Quy Nhơn;
- Ban QLDA 2,85;
- CVP, PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP NHU CẦU, KẾ HOẠCH VÀ GIẢI NGÂN VỐN ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2022
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương, đơn vị	Nhu cầu vốn thực hiện bồi thường GPMB và tái định cư (tỷ đồng)	Kinh phí bồi thường GPMB và tái định cư được Bộ GTVT phê duyệt (tỷ đồng)	Kinh phí đã được Bộ GTVT cấp tính đến 11/11/2022		Phê duyệt phương án (tỷ đồng)		Kế hoạch chi trả (tỷ đồng)			Đã chi trả tính đến thời điểm 11/11/2022			Kinh phí còn thiếu đề nghị cấp bổ sung (tỷ đồng)	
				Kinh phí (tỷ đồng)	Tỷ lệ so với nhu cầu vốn (%)	Lũy kế giá trị đến 20/11/2022	Lũy kế giá trị đến 31/12/2022	Lũy kế giá trị đến 20/11/2022	Từ 21/11 đến 31/12/2022	Lũy kế giá trị đến 31/12/2022	Số hộ, tổ chức	Kinh phí (tỷ đồng)	Tỷ lệ giải ngân theo vốn cấp (%)	Đến thời điểm 20/11/2022	Đến thời điểm 31/12/2022
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(5)	(10)	(11)	(12)=(10)+ (11)	(13)	(14)	(15)	(16)=(10)- (5)	(17)=(12)- (5)
I	DỰ ÁN THÀNH PHẦN QUẢNG NGÃI - HOÀI NHƠN	2.193,039	1.621,700	407,988	18,6	368,599	407,988	328,599	79,389	407,988	1.464	273,855	67,1	0,000	0,000
1	Hoài Nhơn	2.118,710		400,000	18,9	368,599	400,000	328,599	71,401	400,000	1.464	273,855	68,5		0,000
2	Ban GPMB tỉnh	74,329		7,988	10,7	0,000	7,988	0,000	7,988	7,988		0,000	0,0		0,000
II	DỰ ÁN THÀNH PHẦN HOÀI NHƠN-QUY NHƠN	4.276,286	2.636,480	268,954	6,3	885,380	1.305,854	849,420	342,348	1.191,768	1.470	243,619	90,6	595,466	922,814
1	Hoài Nhơn	110,740		30,000	27,1	44,314	51,589	44,314	7,275	51,589	115	27,861	92,9	14,314	21,589
2	Hoài Ân	872,712		58,800	6,7	125,866	205,565	124,620	78,910	203,530	319	58,300	99,1	65,820	144,730
3	Phù Mỹ	874,690		37,388	4,3	192,400	365,500	171,746	100,000	271,746	349	37,388	100,0	134,358	234,358
4	Phù Cát	451,343		17,988	4,0	98,000	163,000	98,000	65,000	163,000	93	15,770	87,7	80,012	145,012
5	Tây Sơn	852,755		34,428	4,0	157,500	212,300	150,000	50,000	200,000	192	29,000	84,2	115,572	165,572
6	An Nhơn	830,385		75,350	9,1	267,300	292,900	260,740	26,163	286,903	402	75,300	99,9	185,390	211,553
7	Ban GPMB tỉnh	283,661		15,000	5,3	0,000	15,000	0,000	15,000	15,000		0,000	0,0		
III	DỰ ÁN THÀNH PHẦN QUY NHƠN-CHÍ THẠNH	1.336,739	695,380	102,284	7,7	148,160	269,059	147,562	116,623	264,185	206	26,740	26,1	81,081	161,901
1	An Nhơn	133,187		21,200	15,9	32,600	53,500	32,002	16,624	48,626			0,0	10,802	27,426
2	Tuy Phước	560,297		29,721	5,3	100,000	150,000	100,000	50,000	150,000	192	21,000	70,7	70,279	120,279
3	Quy Nhơn	352,482		25,804	7,3	15,560	40,000	15,560	24,440	40,000	14	5,740	22,2		14,196
4	Ban GPMB tỉnh	290,773		25,559	8,8	0,000	25,559	0,000	25,559	25,559		0,000	0,0		0,000
Tổng cộng		7.806,064	4.953,560	779,226	10,0	1.402,139	1.982,901	1.325,581	538,360	1.863,941	3.140	544,214	69,8	676,547	1.084,715

